

Bản án số: 46/2026/DS-ST

Ngày 08/6/2026

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thuý Hằng

Bà Phan Thị Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Việt Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 224/2025/TCDSST ngày 10/12/2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026; Thông báo hoãn phiên tòa số 103/TB-TA ngày 19/5/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S1; địa chỉ: Số B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Kim T - Trưởng phòng G; đại diện theo ủy quyền lại: Bà Trần Thị Thanh H - Phó phòng giao dịch phụ trách kinh doanh - Ngân hàng TMCP S1; địa chỉ: Số E đường L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, bà H có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trương Quang L, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Tổ dân phố A B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, ông L vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 trình bày:

Ngày 16/6/2018 Ngân hàng TMCP S1 cùng ông Trương Quang L đã ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số: 3898182385 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Tờ trình cấp thẻ tín dụng tính chấp; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng TMCP S1 - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ vào thu nhập của ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Đến hạn trả nợ hàng tháng nhưng ông L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng chúng tôi nên đã vi phạm Hợp đồng (Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), vì vậy Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông L và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn Nhóm 3 (Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 08/6/2026, ông L còn nợ Ngân hàng chúng tôi tổng số tiền là 30.423.890 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông L có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông L vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S1 kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây:

+ Buộc ông Trương Quang L phải trả cho Ngân hàng TMCP S1 tổng số tiền tính đến ngày 08/6/2026 là: 30.423.890 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 20.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 6.949.260 đồng; Lãi quá hạn: 3.474.630 đồng).

+ Yêu cầu ông Trương Quang L phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 3898182385 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Tờ trình cấp thẻ tín dụng tính chấp; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng TMCP S1 - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), kể từ ngày 08/6/2026 cho đến khi trả hết nợ gốc và nợ lãi.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trương Quang L: Đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, nhưng không có mặt để trình bày ý kiến về việc Ngân hàng TMCP S1 khởi kiện. Do các bên đương sự không tự thỏa thuận được, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo luật định để đưa vụ án ra xét xử.*

** Tại phiên tòa:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Quang L trả nợ cho Ngân hàng TMCP S1 (S2) tổng số tiền tính đến ngày 08/6/2026 ông Trương Quang L còn nợ Ngân hàng là: 30.423.890 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 20.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 6.949.260 đồng; Lãi quá hạn: 3.474.630 đồng).

Bị đơn ông Trương Quang L vắng mặt lần thứ hai nên không có lời trình bày, ý kiến tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ thường trú tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án khu vực 1 - Quảng Trị thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, mở phiên họp công khai chứng cứ, tiến hành niêm yết các thông báo và quyết định của Tòa án.

- *Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

- *Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại các phiên họp, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị P vắng mặt không có lý do chính đáng. Họ đã không thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị áp dụng: Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 119, 385, 398, 401, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 100, 103, 107, 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 08/6/2026 ông Trương Quang L còn nợ Ngân hàng số tiền là: 30.423.890 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 20.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 6.949.260 đồng; Lãi quá hạn: 3.474.630 đồng). Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết và cũng là nơi đăng ký nhân khẩu thường trú của bị đơn: Ông Trương Quang L có HKTT tại: TDP A, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị.

Ngân hàng TMCP S1 khởi kiện yêu cầu ông Trương Quang L trả số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số: 3898182385 ngày 16/6/2018 đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng và ông L là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, đây là tranh chấp hợp đồng phát sinh trong giao dịch dân sự theo qui định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ

án theo quy định của pháp luật, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn đã đến Tòa án làm bản tự khai theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đối với bị đơn ông Trương Quang L không đến Tòa án làm bản tự khai cũng như vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập sau đó. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện; tổng đạt trực tiếp và tiến hành lập biên bản làm việc về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp được đối với bị đơn nhưng chị vẫn cố tình vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn, xác minh về lý do vắng mặt của anh Trương Quang L. Công an phường Đ cung cấp: Anh Trương Quang L, sinh năm 1990, đăng ký thường trú tại: Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Anh L hiện không có mặt tại TDP12, phường Đ. Hiện nay, Trương Quang L đang thuê nhà trọ ông Trần Văn S và sinh sống tại địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

Toà án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có đại diện theo uỷ quyền lại của nguyên đơn có mặt còn ông Trương Quang L vắng mặt không có lý do nên Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Toà án nhân dân tối cao quy định: *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”.* Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Toà án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung...”. Như vậy, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và ông L đã ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của ông L và thể hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập ông L theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông vẫn không có mặt tại Toà án. Do đó Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2026/QĐST-DS ngày 10/4/2026 và tiến hành niêm yết tại địa phương nơi bị đơn ông L cư trú. Ngày 24/4/2026 Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn ông L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2026/QĐST-DS ngày 24/4/2026 và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 21/5/2026 đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại TDP 12 Đồng Thuận và trụ sở UBND phường Đ nơi bị đơn ông Trương Quang L cư trú. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trương Quang L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được năm 2018, ông Trương Quang L đã ký với S2 – Phòng G tờ trình cấp thẻ tín dụng tín chấp số 3898182385, với hạn mức là 20.000.000 đồng, với mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng mua sắm cá nhân; Lãi suất trong hạn: 33.2%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: 49.80%; phạt chậm trả lãi: Theo quy định của Ngân hàng trong Hợp đồng; Không có tài sản đảm bảo. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng ông Trương Quang L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng chi tiết lịch sử các khoản vay do S2 - Phòng G cung cấp thì ông Trương Quang L đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng từ ngày 23/5/2025. Hiện nay khoản nợ đã chuyển qua nợ quá hạn, ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp cũng như tạo điều kiện và tìm mọi khả năng thanh toán nợ nhưng ông L vẫn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Như vậy, ông L đã vi phạm hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên về thời gian thanh toán nợ gốc và lãi. Theo yêu cầu của nguyên đơn thì tính đến ngày 08/6/2026 tổng số tiền bị đơn chưa trả cho Ngân hàng TMCP S1 là: 30.423.890 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 20.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 6.949.260 đồng; Lãi quá hạn: 3.474.630 đồng). Ngân hàng TMCP S1 yêu cầu ông L tìm mọi nguồn thu để trả nợ cho ngân hàng số tiền nói trên và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả hết số nợ là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 được chấp nhận nên bị đơn ông Trương Quang L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước trên tổng số tiền: 30.423.890 đồng x 5% của giá trị tranh chấp = 1.521.194 đồng.

Ngân hàng TMCP S1 không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền tạm ứng án phí 628.252 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số: 0002227 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 116, 119, 385, 398, 401, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 100, 103, 107, 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 (S2).

1.1. Buộc ông Trương Quang L phải trả cho Ngân hàng TMCP S1 (S2) số tiền tính đến ngày 08/6/2026 là: 30.423.890 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 20.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 6.949.260 đồng; Lãi quá hạn: 3.474.630 đồng).

1.2. Từ ngày 08/6/2026 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng ông Trương Quang L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại tờ trình cấp thẻ tín dụng tín chấp số 3898182385 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S1 và ông Trương Quang L cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí: Bị đơn ông Trương Quang L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước là: 1.521.194 đồng.

Ngân hàng TMCP S1 không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền tạm ứng án phí 628.252 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số: 0002227 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/6/2026). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1;
- THADS khu vực 1;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Mỹ Trang